

Thứ	Tiết	A1	A2	A3	A4	B1	B2	B3	C1	C2	C3
Thứ 2	1	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT
	2	Toán (Phượng)	Ngữ Văn (Quân)	Vật lí (Dũng)	Toán (Mạnh)	Địa lí (Vinh)	Ngữ Văn (Huyền)	GDKT&PL (Vũ)	Tiếng anh (Dung)	Sinh học (Đức)	Địa lí (Thảo)
	3	Toán (Phượng)	Ngữ Văn (Quân)	GDKT&PL (Vũ)	Toán (Mạnh)	Địa lí (Vinh)	Ngữ Văn (Huyền)	Sinh học (Đức)	Tiếng anh (Dung)	Công nghệ (Dũng)	Địa lí (Thảo)
	4	Sinh học (Ngát)	Tiếng anh (Dung)	Toán (Phượng)	Sinh học (Đức)	Ngữ Văn (Huyền)	Địa lí (Vinh)	Toán (Mạnh)	Hóa học (Nga)	Công nghệ (Dũng)	Ngữ Văn (Quân)
	5										
Thứ 3	1	Hóa học (Nga)	GDKT&PL (Vũ)	Lịch sử (Hương)	Ngữ Văn (Huyền)	GDTC (Tâm)	Toán (Mạnh)	Tiếng anh (Trang)	Sinh học (Ngát)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Phượng)
	2	Hóa học (Nga)	Toán (Thư)	Lịch sử (Hương)	Ngữ Văn (Huyền)	GDTC (Tâm)	Toán (Mạnh)	Tiếng anh (Trang)	Địa lí (Vinh)	Ngữ Văn CB (Tập)	Toán (Phượng)
	3	Tiếng anh (Trang)	Toán (Thư)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Mạnh)	GDKT&PL (Vũ)	GDQP (Hiếu)	Hóa học (Sếnh)	Ngữ Văn CB (Tập)	Công nghệ (Dũng)	Địa lí (Thảo)
	4	Tiếng anh (Trang)	Lịch sử (Hương)	GDKT&PL (Vũ)	Hóa học (Sếnh)	GDQP (Hiếu)	Vật lí (Dũng)	Địa lí (Vinh)	Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Mạnh)	GDTC (Tâm)
	5										
Thứ 4	1	Địa lí (Chính)	Tiếng anh (Dung)	Hóa học (Sếnh)	Tiếng anh (Trang)	Toán (Mạnh)	Vật lí (Dũng)	GDKT&PL (Vũ)	Toán (Phượng)	Lịch sử (Huệ)	Ngữ Văn (Quân)
	2	Địa lí (Chính)	Tiếng anh (Dung)	GDKT&PL (Vũ)	Tiếng anh (Trang)	Lịch sử (Huệ)	Vật lí (Dũng)	Hóa học (Sếnh)	Toán (Phượng)	Địa lí CB (Thảo)	Ngữ Văn (Quân)
	3	Toán (Phượng)	GDKT&PL (Vũ)	Vật lí (Dũng)	Toán (Mạnh)	Tiếng anh (Trang)	Lịch sử (Huệ)	Hóa học (Hương)	Địa lí (Vinh)	Địa lí (Chính)	Sinh học (Đức)
	4	Vật lí (Dũng)	Sinh học (Ngát)	Địa lí (Thảo)	Lịch sử (Hương)	GDKT&PL (Vũ)	Lịch sử (Huệ)	Toán (Mạnh)	Địa lí (Vinh)	Ngữ Văn (Quân)	Sinh học (Đức)
	5										
Thứ 5	1	Vật lí (Dũng)	Lịch sử (Hương)	Tiếng anh (Dung)	Hóa học (Sếnh)	GDKT&PL (Vũ)	GDTC (Tâm)	Địa lí (Vinh)	Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Mạnh)	Sinh học (Đức)
	2	Lịch sử (Hương)	Hóa học (Nga)	Tiếng anh (Dung)	Hóa học (Sếnh)	Tiếng anh (Trang)	Vật lí (Dũng)	Sinh học (Đức)	Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn CB (Tập)
	3	Lịch sử (Hương)	GDTC (Tâm)	Hóa học (Sếnh)	Tiếng anh (Trang)	Địa lí (Vinh)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Huyền)	Sinh học (Ngát)	GDKT&PL (Vũ)	Ngữ Văn CB (Tập)
	4	Hóa học (Nga)	Toán (Thư)	Vật lí (Dũng)	Địa lí (Vinh)	Lịch sử (Huệ)	Ngữ Văn (Huyền)	Hóa học (Sếnh)	Lịch sử (Hương)	Tiếng anh (Dung)	GDKT&PL (Vũ)
	5										
Thứ 6	1	Tiếng anh (Trang)	Hóa học (Nga)	Ngữ Văn (Quân)	Vật lí (Dũng)	Ngữ Văn (Huyền)	GDQP (Hiếu)	Toán (Mạnh)	Lịch sử (Hương)	Địa lí (Chính)	Tiếng anh (Dung)
	2	Sinh học (Ngát)	Hóa học (Nga)	Ngữ Văn (Quân)	Vật lí (Dũng)	Ngữ Văn (Huyền)	Địa lí (Vinh)	Toán (Mạnh)	Lịch sử (Hương)	Sinh học (Đức)	Tiếng anh (Dung)
	3	Ngữ Văn (Quân)	Sinh học (Ngát)	Địa lí (Thảo)	Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Mạnh)	Tiếng anh (Trang)	Lịch sử (Hương)	Vật lí (Dũng)	Tiếng anh (Dung)	Lịch sử (Huệ)
	4	Vật lí (Dũng)	Địa lí (Thảo)	Tiếng anh (Dung)	Địa lí (Vinh)	Tiếng anh (Trang)	Toán (Mạnh)	Sinh học (Đức)	Sinh học (Ngát)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Phượng)
	5										
Thứ 7	1	Ngữ Văn (Quân)	GDKT&PL (Vũ)	Toán (Phượng)	Vật lí (Dũng)	Toán (Mạnh)	Tiếng anh (Trang)	Ngữ Văn (Huyền)	Hóa học (Nga)	Sinh học (Đức)	Lịch sử (Huệ)
	2	Ngữ Văn (Quân)	Địa lí (Thảo)	Toán (Phượng)	Lịch sử (Hương)	Toán (Mạnh)	Tiếng anh (Trang)	Ngữ Văn (Huyền)	Vật lí (Dũng)	Tiếng anh (Dung)	GDKT&PL (Vũ)
	3	Vật lí (Dũng)	Ngữ Văn (Quân)	Hóa học (Sếnh)	Sinh học (Đức)	GDQP (Hiếu)	Toán (Mạnh)	Tiếng anh (Trang)	Toán (Phượng)	GDKT&PL (Vũ)	Tiếng anh (Dung)
	4	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN
	5										

Thứ	Tiết	A1	A2	A3	A4	B1	B2	B3	C1	C2	C3
Thứ 2	1	GDTC (Tâm)						GDQP (Hiếu)	HĐTN (Nhân)		
	2	GDTC (Tâm)						GDQP (Hiếu)			
	3		GDTC (Tâm)								
	4										
	5										
Thứ 3	1			GDTC (Tâm)	HĐTN (Nhân)				Ngữ Văn (Huyền)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Phượng)
	2		GDQP (Hiếu)	GDTC (Tâm)					Ngữ Văn (Huyền)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Phượng)
	3								GDTC (Nhạ)		GDTC (Tâm)
	4										
	5										
Thứ 4	1	HĐTN (Nhân)			GDQP (Hiếu)			GDTC (Tâm)	GDĐP (Tập)	GDTC (Nhạ)	
	2	HĐTN (Nhân)			GDQP (Hiếu)			GDTC (Tâm)	GDTC (Nhạ)	GDĐP (Tập)	
	3	HĐTN (Nhân)					GDTC (Tâm)		GDTC (Nhạ)		GDĐP (Tập)
	4										
	5										
Thứ 5	1	GDQP (Hiếu)	HĐTN (Nhân)		GDTC (Tâm)				Toán (Phượng)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	2		HĐTN (Nhân)	GDQP (Hiếu)	GDTC (Tâm)				Toán (Phượng)	Toán (Mạnh)	Ngữ Văn (Quân)
	3		HĐTN (Nhân)						Tiếng anh (Dung)		
	4										
	5										
Thứ 6	1			HĐTN (Nhân)					GDQP (Hiếu)	GDTC (Nhạ)	
	2			HĐTN (Nhân)					GDTC (Nhạ)	GDQP (Hiếu)	
	3			HĐTN (Nhân)					GDTC (Nhạ)		GDQP (Hiếu)
	4										
	5										
Thứ 7	1										
	2										
	3										
	4										
	5										